

Số: 03/2023/QĐST-DS

TP. Hải Dương, ngày 22 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu tuyên bố một người là đã chết
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- **Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp:** Bà Trần Thị Nhan.
- **Thư ký phiên họp:** Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:** Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 11/2022/TLST-VDS ngày 19/12/2022 về “yêu cầu tuyên bố một người là đã chết” theo Quyết định mở phiên họp số 11/2023/QĐST-DS ngày 12/5/2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Bà Phạm Thị M, sinh năm 1965; Hiện cư trú tại: Thôn A, xã A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1949; Nơi cư trú cuối cùng: Đội 7, thôn D, xã A1, huyện Gia Lộc (nay là thành phố H), tỉnh Hải Dương.

+ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1952; Hiện cư trú tại: Ấp B, xã B1, huyện B2, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1957; Hiện cư trú tại: Ấp B, xã B1, huyện B2, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Phạm Thị L2, sinh năm 1963; Hiện cư trú tại: Ấp B, xã B1, huyện B2, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà L, bà L1, bà L2 là bà Phạm Thị M.

+ Bà Phạm Thị L3, sinh năm 1960; Hiện cư trú tại: Thôn X, xã X1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Phan Thị L4, sinh năm 1955; Hiện cư trú tại: Thôn D, xã A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M, Phạm Thị L, Phạm Thị L1, Phạm Thị L2, Phạm Thị L3 thống nhất trình bày:

Cụ Phạm Văn K và cụ Mai Thị K1 kết hôn với nhau và sinh được 6 người con gồm: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1949, bà Phạm Thị L, sinh năm 1952, bà Phạm Thị L1, sinh năm 1957, bà Phạm Thị L3, sinh năm 1960, bà Phạm Thị L2, sinh năm 1963, bà Phạm Thị M, sinh năm 1965. Cụ K đã chết năm 1992. Cụ K1 đã chết năm 1976. Khoảng cuối năm 1975, ông T lấy bà Phan Thị L4, chung sống cùng nhau khoảng 4 tháng thì ông T bỏ nhà đi. Quá trình chung sống ông T, bà L4 không có con chung. Bản thân ông T không có con nuôi, con riêng nào khác. Gia đình hiện nay không ai còn lưu giữ giấy tờ gì của ông T.

Ông Phạm Văn T đã bỏ nhà đi từ ngày 24/02/1976 đến nay không liên lạc gì với gia đình, người thân, chính quyền địa phương. Gia đình áp dụng nhiều biện pháp tìm kiếm trong đó đã thông báo trên đài phát thanh và truyền hình tỉnh Hải Dương nhưng vẫn không có tin tức gì của ông T về việc ông T còn sống hay đã chết. Nơi cư trú cuối cùng của ông T trước khi ông T đi là đội 7, thôn D, xã A1, huyện Gia Lộc (nay là thành phố H). Từ thời điểm Tòa án ra Quyết định thông báo tìm kiếm đến nay gia đình bà cũng không nhận được tin tức gì của ông T. Nay gia đình cần làm thủ tục liên quan đến giải quyết vấn đề đất đai nên đề nghị Tòa án tuyên bố ông Phạm Văn T đã chết theo quy định của pháp luật. Do tính chất công việc bận nên bà M, bà L3 xin được vắng mặt tại phiên họp.

Tại biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L4, trình bày: Bà và ông Phạm Văn T kết hôn khoảng tháng 12/1975, đến khoảng đầu năm 1976, ông T xin phép cả gia đình đi vào miền Nam chơi từ đó đến nay không có tin tức gì. Quá trình chung sống bà và ông T không có con chung. Bản thân ông T không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông T cũng không có bố mẹ nuôi. Từ khi ông T bỏ đi, gia đình đã áp dụng nhiều biện pháp tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì của ông T. Bà nhất trí với yêu cầu của bà M về việc đề nghị Tòa án tuyên bố ông Phạm Văn T đã chết. Bà xin vắng mặt tại phiên họp.

Kết quả xác minh tại thôn D, UBND và Công an xã A1, thành phố H thể hiện: Ông Phạm Văn T đã bỏ nhà đi từ năm 1976, gia đình đã áp dụng nhiều biện pháp tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì của ông Phạm Văn T. Địa phương không nắm được việc ông T chung sống với bà L4, sổ đăng ký kết hôn từ năm 1976 trở về trước không còn lưu trữ. Ông T không có người con nào, không có bố mẹ nuôi, con nuôi. Đến nay địa phương cũng không có tin tức gì của ông T.

Tại công văn số 1615/QLXNC-P5 ngày 30/01/2023, Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an xác định không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh của trường hợp Phạm Văn T.

Lời khai người làm chứng xác định: Ông T đã bỏ nhà đi từ rất lâu, người thân gia đình ông T đã áp dụng nhiều biện pháp tìm kiếm nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Thư ký phiên họp, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự. Áp dụng các Điều 370, 376, 378 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội. Đề nghị Tòa án tuyên bố ông Phạm Văn T, sinh năm 1949; Nơi cư trú cuối cùng: Đội 7 thôn D, xã A1, thành phố H đã chết. Về lệ phí, chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị M phải chịu 300.000đ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Bà M đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị M có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Phạm Văn T đã chết. Ông T có nơi cư trú cuối cùng tại: Đội 7, thôn D, xã A1, thành phố H. Người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp. Do vậy Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý việc dân sự và mở phiên họp vắng mặt họ là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 27, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về căn cứ chấp nhận đơn yêu cầu của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có cơ sở xác định ông Phạm Văn T, sinh năm 1949 có bố đẻ là cụ Phạm Văn K, mẹ đẻ là cụ Mai Thị K1 và có 05 người em gái bà Phạm Thị L, Phạm Thị L1, Phạm Thị L3, Phạm Thị L2, Phạm Thị M. Cụ K, cụ K1 đều đã chết. Ông T kết hôn với bà Phan Thị L4, không có con chung, ông T không có con riêng, con nuôi và không có bố mẹ nuôi. Các đương sự xác định ông T bỏ nhà đi không biết lý do từ ngày 24/02/1976.

Đại diện thôn D nơi sinh sống trước khi ông T bỏ đi và Công an, UBND xã A1, thành phố H đều xác nhận ông T đã đi khỏi địa phương và không sinh sống tại địa phương từ năm 1976, đến nay không xác định được ông T ở đâu, làm gì. Gia đình ông T đã đăng tin tìm ông T trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có tin tức gì.

Quá trình giải quyết đơn yêu cầu của bà M, Tòa án đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết số 11/2023/QĐ-TA ngày 04/01/2023 và thực hiện việc công bố thông báo theo quy định pháp luật nhưng đến nay vẫn không có tin tức xác thực ông T còn sống.

Từ những chứng cứ, nhận định nêu trên có cơ sở xác định ông Phạm Văn T đã biệt tích từ ngày 24/02/1976 đến nay không có tin tức xác thực là còn sống. Theo điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự, Tòa án ra quyết định tuyên bố một

người là đã chết trong trường hợp: “*Biệt tích 05 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống; thời hạn này được tính theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Bộ luật này*”. Tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật dân sự quy định: “... *Thời hạn...được tính từ ngày biết được tin tức cuối cùng về người đó...*”. Thời điểm biết được tin tức cuối cùng của ông T được xác định là ngày 24/02/1976 nên thời gian ông T biệt tích đến nay là hơn 47 năm. Vì vậy yêu cầu của bà M là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về lệ phí: Người yêu cầu phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 27, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 391, Điều 393 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 71, 72 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị M.

Tuyên bố ông Phạm Văn T, sinh năm 1949, nơi cư trú cuối cùng: Đội 7, thôn D, xã A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương đã chết kể từ ngày 24/02/1981.

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật thì quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của ông Phạm Văn T được giải quyết như đối với người đã chết. Tài sản của ông Phạm Văn T được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

2. Bà Phạm Thị M phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0002444 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Bà M đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp lệ phí.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết quyết định. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND xã A1, TP. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Nhan